

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương, Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 782/2020/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thúy A – sinh năm 1987

Địa chỉ: 10/19 đường T, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân

Bị đơn: Ông Dương Hồng V – sinh năm 1989

Địa chỉ: 147/6 đường T, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú

(Bà Thúy A và ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thúy A trình bày

Bà và ông Dương Hồng V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TPHCM. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau đó tương phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú giải quyết ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Giữa hai bên có 01 con chung là Dương Gia Cát T, sinh ngày 04/8/2012. khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có

Bị đơn ông Dương Hồng V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A về việc xin ly hôn ông Dương Hồng V.

Về con chung: Giao con chung tên Dương Gia Cát Tường, sinh ngày 04/8/2012 cho bà Thúy A nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà Thúy A không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thúy A yêu cầu ly ông Dương Hồng V, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn hôn ông Dương Hồng V có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Dương Hồng V đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Dương Hồng V theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 18/5/2012 Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Trần Thúy A và ông Dương Hồng V

là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trần Thúy A trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên hai người đã sống ly thân khoảng 3 năm nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Thúy A và ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà bà Thúy A là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Giữa hai bên có 01 con chung là Dương Gia Cát T, sinh ngày 04/8/2012. khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Dương Gia Cát T là bé gái và có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao trẻ Tường cho bà Thúy A nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Vũ do bà Thúy A không yêu cầu

- *Về tài sản chung*: Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Trần Thúy A phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thúy A

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy A được ly hôn với ông Dương Hồng V. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 18/5/2012 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TPHCM chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Trần Thúy A được nuôi dưỡng con chung tên Dương Gia Cát T, sinh ngày 04/8/2012. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V do bà Thúy A không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà Thúy A không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông V hoặc bà Thúy A, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc bà Trần Thúy A phải nộp, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0071003 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thúy A đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Hiệp Tân, quận Tân Phú
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý

